

Số: **2217** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **29** tháng **11** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính mới; 02 (hai) thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế; 02 (hai) thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/3/2021 và sửa đổi Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.

Bãi bỏ Quyết định số 2362/QĐ-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (CCHC);
- Website BTC, Website TCT;
- Lưu: VT, TCT(VT, CCHC (10b)).



**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

hu

Trần Xuân Hà

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ, BỊ
BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Kèm theo Quyết định số 2217/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2021
của Bộ Tài chính)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:**

ST T	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký tổ chức lớp cập nhật kiến thức/ Thông báo kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức	Thuế	Tổng cục Thuế
2	Thông báo sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế/Thông báo tạm dừng, chấm dứt sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế	Thuế	Cục Thuế/Chi cục Thuế

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.0102/37	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	Đăng ký dự thi cấp CCHN dịch vụ làm thủ tục về thuế/đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với	Thông tư số 10/2021/T-T-BTC ngày 26/1/2021	Thuế	Tổng cục Thuế

			trường hợp được miễn môn thi			
2	1.0102 39	Đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với Đại lý thuế	Đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế/ Thông báo danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi/Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	Thông tư số 10/2021/T T-BTC ngày 26/1/2021	Thuế	Cục Thuế

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.0102 38	Đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với trường hợp được miễn môn thi	Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/1/2021	Thuế	Tổng cục Thuế
2	1.0102 40	Thông báo danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi	Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/1/2021	Thuế	Cục Thuế

*** Lưu ý:**

Các thủ tục trên thay thế, sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục đã được Bộ Tài chính công bố tại Quyết định số 1500/2016/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

1.Thủ tục số 1,2 Mục 2 thay thế thủ tục số 7 Mục A, 156 Mục B Phần 1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-BTC.

2.Thủ tục số 1,2 Mục 3 bãi bỏ thủ tục số 8 Mục A và 157 Mục B, Phần 1 Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-BTC.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới

1. Đăng ký tổ chức lớp cập nhật kiến thức/ Thông báo kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp về đại lý thuế, đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức thực hiện:

++ Trường hợp (1) đăng ký tổ chức lớp cập nhật kiến thức: Cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp về đại lý thuế nếu đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3, Điều 21 Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và có nhu cầu thì lập hồ sơ đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức gửi đến Tổng cục Thuế;

++ Trường hợp (2) thông báo kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức: Đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức gửi thông báo kế hoạch các lớp cập nhật kiến thức trong quý I hàng năm; gửi báo cáo kết quả tổ chức cập nhật trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lớp học đến Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Đối với trường hợp (1), Tổng cục Thuế giải quyết và trả kết quả.

- Cách thức thực hiện:

Cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp về đại lý thuế nộp trực tiếp tại Tổng cục Thuế hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đối với trường hợp (1). Đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức nộp qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đối với trường hợp (2). Trong thời gian cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa đáp ứng việc nhận thông báo, báo cáo, thì đại lý thuế nộp báo cáo trực tiếp tại Tổng cục Thuế hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm :

++ Trường hợp (1):

+++ Bản đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Mẫu số 01/CNKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Quyết định số 811/QĐ-TCT ngày 11/6/2021 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

+++ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

+++ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện giảng viên.

++Trường hợp (2): Báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức Mẫu 2.5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế được giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với trường hợp (1). Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có thời hạn giải quyết đối với trường hợp (2).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính đối với trường hợp (1) là Giấy xác nhận đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức. Hồ sơ không phải trả kết quả đối với trường hợp (2).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Trường hợp (1): Bản đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức theo Mẫu số 01/CNKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Quyết định số 811/QĐ-TCT ngày 11/6/2021 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+ Trường hợp (2): Báo cáo Mẫu 2.5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về đại lý thuế gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân theo các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



mau 2.5_TT
10_2021.doc



Mau 01_CNKT_Quy
che TCT.docx

Mẫu 2.5 - Báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
CẬP NHẬT KIẾN THỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức**

Kính gửi: Tổng cục Thuế

.....(tên, mã số thuế của đơn vị đào tạo)..... đã tổ chức lớp tập huấn/cập nhật kiến thức về thuế cho nhân viên đại lý thuế, người đăng ký hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../....
2. Tổ chức tại
3. Chuyên đề học:
4. Danh sách cấp giấy xác nhận đã tham dự cập nhật kiến thức:

STT	Họ và tên	Chứng chỉ hành nghề DV làm thủ tục về thuế		Ngày cấp Giấy xác nhận đã tham dự cập nhật kiến thức	Tổng số giờ cập nhật kiến thức
		Số	Ngày, tháng, năm		

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**TM. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LỚP CẬP NHẬT KIẾN THỨC
(CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**

Mẫu số 01/CNKT

TÊN ĐƠN VỊ/CƠ SỞ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng....năm.....

**BẢN ĐĂNG KÝ
 TỔ CHỨC CẬP NHẬT KIẾN THỨC HÀNH NGHỀ
 DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Kính gửi: Tổng cục Thuế

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Căn cứ Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (ban hành theo Quyết định số /QĐ-TCT ngày tháng năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế);

[01] Tên đơn vị đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức:.....

[02] Mã số thuế:.....

[03] Địa chỉ:.....

[04] Điện thoại:..... [05] Fax:..... [06] Email:.....

1. Đề nghị Tổng cục Thuế cấp giấy xác nhận đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế cho *(Tên đơn vị)*.....

2. Tài liệu gửi kèm:

2.1. Bản sao có chứng thực quyết định thành lập *(tên đơn vị)*..... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

2.2. Tài liệu chứng minh cơ sở đào tạo có chuyên ngành đào tạo từ trình độ đại học trở lên về các nội dung cập nhật kiến thức quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 10/2021/TT-BTC - đối với trường hợp đơn vị đăng ký tổ chức cập nhật là cơ sở đào tạo:.....

2.3. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy cập nhật kiến thức có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm công tác, nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến nội dung cập nhật kiến thức quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 10/2021/TT-BTC ; điểm b, khoản 1 Điều 3 Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

2.4. Chương trình, tài liệu cập nhật kiến thức năm

3. *(Tên đơn vị)*..... cam kết:

a) Có đủ cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng đào tạo: phòng học, bàn ghế, bảng viết, giáo cụ và các trang thiết bị đào tạo khác;

- b) Bố trí giảng viên đủ điều kiện theo quy định giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;
- c) Cam kết đáp ứng điều kiện thực hiện việc báo cáo, cập nhật dữ liệu về cập nhật kiến thức bằng phương thức điện tử theo triển khai của Tổng cục Thuế.
- d) Thực hiện đúng các quy định về cập nhật và tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, Quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ban hành kèm theo Quyết định số..... /QĐ-TCT ngày..... tháng..... năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế./

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

AM

2. Thông báo sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế/Thông báo tạm dừng, chấm dứt sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế thực hiện

Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi đại lý thuế thực hiện lần đầu các công việc dịch vụ làm thủ tục về thuế nêu trong hợp đồng hoặc chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi tạm dừng, chấm dứt dịch vụ theo hợp đồng đã ký với đại lý thuế, người nộp thuế (NNT) phải gửi thông báo cho Cục thuế/ Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.

+ Bước 2: Cục thuế/Chi cục Thuế quản lý trực tiếp NNT tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

Nộp qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời gian cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa đáp ứng việc nhận thông báo, thì NNT nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Cục thuế/Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm: Thông báo về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ với đại lý thuế theo Mẫu 2.10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có thời hạn giải quyết.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ không phải trả kết quả.

- **Lệ phí:** Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ với đại lý thuế theo Mẫu 2.10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Người nộp thuế gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân theo các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



Mau 2.10_TT
10_2021.doc

Handwritten signature or mark.

Mẫu 2.10 - Thông báo về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ với đại lý thuế
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ với đại lý thuế

Căn cứ Thông tư số...../2021/TT-BTC ngày/...../..... của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Căn cứ hợp đồng số.....ngày.....tháng.....năm..... ký với (tên đại lý thuế)....., mã số thuế

(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế....., số điện thoại:..... thông báo cơ quan thuế về việc thực hiện/tạm dừng/chấm dứt hợp đồng/dịch vụ làm thủ tục về thuế như sau:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện/tạm dừng/chấm dứt		Ghi chú
		Từ ngày (Từ kỳ)	Đến ngày (Đến kỳ)	
I	Dịch vụ thực hiện thủ tục về thuế			
1	Đăng ký thuế			
1.1	...			
...	...			
2	Dịch vụ khai thuế			
2.1	Thuế TNDN			
2.2	Thuế TNCN			
2.3	Thuế GTGT			
...	...			
3	Dịch vụ nộp thuế			
3.1	Thuế TNDN			

3.2	Thuế TNCN			
3.3	Thuế GTGT			
...	...			
4	Hoàn thuế			
...	...			
5	Miễn, giảm Thuế			
...	...			
6	Dịch vụ thủ tục khác...			
II	Dịch vụ tư vấn thuế			
1	<i>(Nội dung tư vấn)</i>			
...	...			
III	Dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ			
1	<i>(Nội dung chi tiết)</i>			
...	...			

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế trực tiếp đại lý thuế;
- Đại lý thuế.....;
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính thay thế

1. Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế/đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với trường hợp được miễn môn thi

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người đăng ký dự thi, người đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề (CCHN) dịch vụ làm thủ tục về thuế thực hiện:

(i) Đối với dự thi cấp CCHN dịch vụ làm thủ tục về thuế: Người có đủ điều kiện, có nhu cầu dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chuẩn bị hồ sơ đăng ký dự thi và gửi đến Tổng cục Thuế (Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế) trong thời hạn theo Thông báo của Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

(ii) Đối với đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trường hợp được miễn môn thi: Người được miễn môn thi, khi đủ điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề, có nhu cầu đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế thì chuẩn bị hồ sơ, gửi đến Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đối với dự thi cấp CCHN dịch vụ làm thủ tục về thuế. Trong thời gian cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa đáp ứng việc nhận hồ sơ, người dự thi nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Thuế;

+ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Tổng cục Thuế đối với đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được miễn môn thi.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

(i) Đối với dự thi cấp CCHN dịch vụ làm thủ tục về thuế:

a) Trường hợp đăng ký thi lần đầu, hồ sơ gồm:

++ Đơn đăng ký dự thi cấp CCHN dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Mẫu 1.1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ;

++ Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính; nếu bằng tốt nghiệp không thuộc ngành, chuyên ngành kinh tế, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, người dự thi phải nộp kèm bảng điểm ghi rõ số đơn vị học trình hoặc tín chỉ hoặc tiết học của tất cả các môn học (bản scan);

++ Giấy xác nhận thời gian công tác theo Mẫu 1.2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hoặc sổ bảo hiểm xã hội chứng minh thời gian công tác theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính (bản scan);

++ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài) còn hiệu lực đến thời điểm đăng ký dự thi (bản scan);

++ Một ảnh màu 3x4 cm nền trắng chụp trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi (file ảnh).

b) Trường hợp đăng ký thi tiếp môn chưa thi hoặc thi lại môn thi chưa đạt yêu cầu, hồ sơ gồm:

++ Đơn đăng ký dự thi theo Mẫu 1.1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính;

++ Một ảnh màu 3x4 cm nền trắng chụp trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi (file ảnh);

++ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài) còn hiệu lực đến thời điểm đăng ký dự thi (*chỉ cần nộp trong trường hợp có thay đổi so với lần thi trước*).

(ii) Đối với đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trường hợp được miễn môn thi, hồ sơ gồm:

++ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Mẫu 1.3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

++ Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (đối với người Việt Nam) trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài) còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ (*bản sao có chứng thực*);

++ Một ảnh màu 3x4(cm) nền trắng chụp trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ;

++ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện được miễn môn thi, nộp một trong các giấy tờ sau:

+++ Giấy xác nhận thời gian công tác theo Mẫu 1.2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính đối với người được miễn môn thi pháp luật về thuế hoặc được miễn cả 02 môn thi do có thời gian làm việc trong ngành Thuế;

+++ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học và sổ bảo hiểm xã hội (bản sao có chứng thực) đối với người được miễn môn thi kế toán do đáp ứng điều kiện: Người đã tốt nghiệp đại học, sau đại học thuộc ngành, chuyên ngành kế toán, kiểm toán và có thời gian làm kế toán, kiểm toán 60 tháng liên tục trở lên tính đến thời điểm đăng ký xét miễn môn thi. Thời gian làm kế toán, kiểm toán được tính sau khi tốt nghiệp đại học, sau đại học thuộc ngành, chuyên ngành kế toán, kiểm toán đến thời điểm đăng ký xét miễn môn thi;

+++ Giấy chứng nhận điểm thi (bản sao có chứng thực) đối với người được miễn môn thi kế toán do đáp ứng điều kiện: Người đã đạt yêu cầu môn thi kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao và còn trong thời gian bảo lưu tại kỳ thi cấp chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức;

+++ Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên (bản sao có chứng thực) đối với người được miễn cả 02 môn thi (pháp luật về thuế và môn thi kế toán) do đáp ứng điều kiện: Người có chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp (i):

++ Trước ngày thi ít nhất 15 ngày, Tổng cục Thuế đăng tải danh sách người dự thi (họ và tên, ngày sinh, số báo danh, môn thi tham dự, địa điểm thi) và các thông tin khác có liên quan trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế;

++ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi hoặc ngày hết hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo, Tổng cục Thuế công bố kết quả thi, kết quả phúc khảo trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và gửi kết quả điểm thi, điểm phúc khảo cho người dự thi qua thư điện tử theo địa chỉ mà người dự thi đã đăng ký.

+ Trường hợp (ii): Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế được giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày người đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế nộp đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính đối với trường hợp (i): Danh sách người dự thi và các thông tin khác có liên quan được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Kết quả thi, kết quả phúc khảo được công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế;

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính đối với trường hợp (ii) là Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Phí, lệ phí:

+ Trường hợp (i): Người dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi.

+ Trường hợp (ii): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Trường hợp (i):

++ Đơn đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Mẫu 1.1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính;

++ Giấy xác nhận thời gian công tác theo Mẫu 1.2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính (hoặc sổ bảo hiểm xã hội chứng minh thời gian công tác).

+ Trường hợp (ii):

++ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo Mẫu 1.3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính;

++ Giấy xác nhận thời gian công tác theo Mẫu 1.2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính (đối với người được miễn môn thi pháp luật về thuế hoặc được miễn cả 02 môn thi do có thời gian làm việc trong ngành Thuế).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



Mẫu



Mẫu



Mẫu

1.1_TT10_2021.docx 1.2_TT10_2021.docx 1.3_TT10_2021.docx

Mẫu 1.1 – Đơn đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
(Theo Thông báo số ... ngày ... của Hội đồng thi)

Kính gửi: Hội đồng thi cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Họ và tên:(*chữ in hoa*)..... Nam/Nữ:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ;
cấp ngày/...../...; tại
4. Mã số thuế thu nhập cá nhân:
5. Thông tin liên hệ: Số điện thoại:.....; Email:..... ;
Địa chỉ:.....

.....
(*ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố*)

6. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp: (*Tiến sỹ, thạc sỹ, đại học*) Ngành/Chuyên ngành

7. Tháng, năm tốt nghiệp:.....

8. Thời gian làm việc theo chuyên ngành: (*thuế/tài chính/kiểm toán/kế toán*).....
từ đến..... tại..... ;

Công việc chuyên môn:.....
từ đến..... tại..... ;

Công việc chuyên môn:.....

9. Kết quả điểm kỳ thi trước (nếu có):

Điểm thi môn Kế toán:.....(Kỳ thi tháng...năm.....)

Điểm thi môn Pháp luật về thuế:.....(Kỳ thi tháng...năm.....)

10. Đăng ký môn dự thi:

Pháp luật về thuế

Kế toán doanh nghiệp

11. Đăng ký dự thi tại:

12. Đăng ký hình thức nhận chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế:

Nhận trực tiếp tại Tổng cục Thuế Nhận qua bưu chính công ích

Tôi cam kết thông tin trên là đúng, bản thân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và đảm bảo có đủ điều kiện dự thi theo quy định tại Thông tư số..... Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ THI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 1.2. Giấy xác nhận thời gian công tác

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC

Kính gửi: (Tên cơ quan/đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đã công tác)

(Mã số thuế, Địa chỉ cơ quan/đơn vị)

Tên tôi là:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Cấp ngày/...../....., tại

Mã số thuế thu nhập cá nhân:

Xin xác nhận quá trình công tác tại cơ quan/đơn vị như sau:

Thời gian	Bộ phận làm việc	Chức danh, ngạch/bậc, công việc đảm nhận
Từ tháng....năm.... đến tháng....năm..		

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Xác nhận thời gian công tác của

Anh/Chị... (viết tên như trên).....là đúng sự thật

Ngày ...tháng....năm...

(Ký, ghi rõ họ tên của người đại diện

theo pháp luật của cơ quan, đơn vị và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Mỗi cơ quan/đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan/đơn vị đó.

Mẫu 1.3 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Kính gửi: Tổng cục Thuế

Họ và tên (chữ in hoa):..... ; Nam/Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ;
cấp ngày/...../..... ; tại

Mã số thuế thu nhập cá nhân:

Thông tin liên hệ: Số điện thoại:.....; Email:.....;

Địa chỉ :.....

(ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp: (đại học/sau đại học)

Ngành/Chuyên ngành ; Tháng năm.....

Đề nghị Tổng cục Thuế cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế cho tôi theo trường hợp sau: (lựa chọn 01 trong 02 trường hợp)

1. Trường hợp thi đạt 01 môn và miễn thi 01 môn:

Môn thi:..... ; Kỳ thi tháng.....năm..... ; Điểm thi:.....

Môn miễn thi:..... ; Lý do được miễn:.....

2. Trường hợp miễn 02 môn thi: (chọn 1 trong 2 trường hợp sau)

Có Chứng chỉ kiểm toán viên/kế toán viên số: ngày.....tháng.....năm..... ;

Cơ quan cấp:.....

Người đã công tác trong ngành thuế: Ngạch/Chức danh nghề nghiệp:..... ; Số năm giữ ngạch:..... ; Nghỉ hưu/ngỉ việc từ tháng.....năm.....

Đăng ký hình thức nhận chứng chỉ:

Nhận trực tiếp tại Tổng cục Thuế Nhận qua bưu chính công ích

Tôi cam kết bản thân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và đảm bảo có đủ điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Thông tư số Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm./.

Danh sách giấy tờ, tài liệu gửi kèm: , ngày.....tháng.....năm.....

.....
.....
.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

2. Đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế/ Thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế /Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đại lý thuế thực hiện

(i) Đối với đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế: Đại lý thuế chuẩn bị hồ sơ đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế gửi đến Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở;

(ii) Đối với thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế, đại lý thuế phải gửi thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế cho Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở;

(iii) Đối với báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế: Chậm nhất là ngày 15/1 hàng năm, đại lý thuế phải gửi báo cáo tình hình hoạt động đại lý thuế cho Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở.

+ Bước 2: Cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp (i), Cục thuế giải quyết và trả kết quả theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

Nộp qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời gian cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chưa đáp ứng việc nhận hồ sơ, thì đại lý thuế nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Cục thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

(i) Đối với đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế:

a) Trường hợp (1) đăng ký lần đầu, hồ sơ gồm:

++ Đơn đăng ký cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 2.6 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

++ Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế của các cá nhân làm việc tại doanh nghiệp (bản scan);

++ Chứng chỉ kế toán viên của cá nhân làm việc tại doanh nghiệp đối với trường hợp đại lý thuế đăng ký cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ (bản scan);

++ Hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp với cá nhân có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, chứng chỉ kế toán viên (bản scan);

b) Trường hợp (2) đăng ký khi Đại lý thuế có một trong các thay đổi sau: thay đổi tên đại lý thuế; thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ ghi trên giấy xác nhận đã cấp hoặc khi Đại lý thuế bị mất, hỏng giấy xác nhận đã cấp, hồ sơ gồm:

++ Đơn đăng ký cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 2.6 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

++ Tài liệu liên quan đến việc thay đổi;

(ii) Đối với thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế, hồ sơ gồm:

++ Thông tin nhân viên đại lý thuế thay đổi theo mẫu số 2.8 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

(iii) Đối với báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, hồ sơ gồm:

++ Báo cáo tình hình hoạt động đại lý thuế theo mẫu số 2.9 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với (i);

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông tin nhân viên đại lý thuế thay đổi đối với (ii);

+ Hồ sơ không có thời hạn giải quyết đối với (iii).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đại lý thuế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính đối với (i): Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 2.7 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính. Trường hợp từ chối cấp, Cục Thuế phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính đối với (ii): Thông báo nhân viên đại lý thuế đủ điều kiện hành nghề theo mẫu số 2.1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính (đối với trường hợp tăng nhân viên của ĐLT); Công khai thông tin thay đổi trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Đối với (iii): Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không phải trả kết quả.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đối với (i): Đơn đăng ký cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 2.6 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính;

+ Đối với (ii): Thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế theo Mẫu số 2.8 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính;

+ Đối với (iii): Báo cáo tình hình hoạt động đại lý thuế theo mẫu số 2.9 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đại lý thuế gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân theo các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



Mau



mau



mau

2.6_TT10_2021.doc 2.8_TT10_2021.doc 2.9_TT10_2021.doc

Mẫu 2.6 - Đơn đăng ký cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐẠI LÝ THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... thángnăm 20.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Cấp lần đầu/Cấp lại lần thứ.....

Kính gửi: Cục Thuế.....

Căn cứ Thông tư số...../2021/TT-BTC ngày/...../..... của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

(Tên đại lý thuế)....., mã số thuế....., địa chỉ:....., số điện thoại :.....

Đề nghị Cục Thuế :

1. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế cho... (tên đại lý thuế) theo quy định với phạm vi cung cấp dịch vụ: (đánh dấu x vào một trong hai trường hợp)

Đủ điều kiện cung cấp các dịch vụ về thuế

Đủ điều kiện cung cấp các dịch vụ về thuế và cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

2. Thông tin về nhân viên đại lý thuế làm việc tại đại lý thuế như sau :

ST T	Ho và tên	Ngày sinh	MST	CMND/ thẻ cước/ hộ chiếu		Chứng chỉ hành nghề DVLTT về thuế		Chứng chỉ kế toán viên (nếu có)		Hợp đồng làm việc tại Đại lý thuế					Tổng số giờ cấp nhật kiến thức năm trước	Giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài (nếu có)			
				Số	Ngày	Số	Ngày	Số	Ngày	Số HĐ lao động	Ngày ký hợp đồng LĐ	Ngày bắt đầu làm việc tại DLT (nếu có)	Ngày kết thúc làm việc tại DLT (nếu có)	Công việc thực hiện		Toàn thời gian/ bán thời gian	Số	Ngày	Thời hạn (Từ ngày đến ngày)
1	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2																			
...																			

(Ghi chú : Trường hợp nhân viên đại lý thuế là người đại diện theo pháp luật của đại lý thuế, không có hợp đồng lao động với đại lý thuế thì không khai thông tin ở các cột từ (10) đến (15)).

AM

Lý do cấp lại (khai khi đề nghị cấp lại):

Hồ sơ gửi kèm:

1....

2....

....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
ĐẠI LÝ THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

pháp luật về những nội dung thông tin tại thông báo này.

Nơi nhận:

- Cục Thuế
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐẠI LÝ THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 2.9 - Báo cáo tình hình hoạt động đại lý thuế*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***TÊN ĐẠI LÝ THUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Số:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ THUẾ**Năm..... (Từ 01/01 đến 31/12)**

Kính gửi: Cục Thuế....

I. Tình hình hoạt động:**1. Tình hình nhân viên:**

Chỉ tiêu	Số liệu
A. Tổng số nhân viên đại lý thuế đến 31/12	
Trong đó: - Số tăng trong năm	
- Số giảm trong năm	
B. Số nhân viên đại lý thuế được thông báo đủ điều kiện hành nghề	
1. Người Việt Nam	
2. Người nước ngoài	
C. Số người có Chứng chỉ kế toán viên	
1. Người Việt Nam	
2. Người nước ngoài	

2. Tình hình cung cấp dịch vụ:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
A. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trong năm	Số khách hàng	
Trong đó: 1. Tổ chức, doanh nghiệp		
2. Cá nhân, hộ kinh doanh		

AN

B. Số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ	Số lượng HĐ	
Trong đó: 1. HĐ cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế		
2. HĐ cung cấp dịch vụ tư vấn thuế		
3. HĐ cung cấp dịch vụ kế toán		
C. Ước tổng doanh thu	Triệu VNĐ	
Trong đó: 1. DT về cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế		
2. DT về cung cấp dịch vụ tư vấn thuế		
3. DT về cung cấp dịch vụ kế toán		
D. Cung cấp dịch vụ thủ tục về thuế		
1. Số lượt hồ sơ, thủ tục về thuế thực hiện thay cho NNT	Số lượt	
Trong đó: - Hồ sơ, thủ tục về đăng ký thuế		
- Hồ sơ, thủ tục về khai thuế		
- Hồ sơ, thủ tục về hoàn thuế		
- Hồ sơ, thủ tục về miễn giảm thuế		
- Hồ sơ, thủ tục khác		
2. Số lần/quyết định người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính thuế trong phạm vi dịch vụ đại lý thuế cung cấp	Số lần	

3. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác đại lý thuế cần cung cấp cho cơ quan thuế (nếu có):

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Kiến nghị:
- Thông tin khác:

II. Tình hình cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế

Tổng hợp thời gian cập nhật kiến thức của các nhân viên:

Số TT	Họ và tên	CCHN DV làm thủ tục về thuế		Tổng số giờ cập nhật kiến thức trong năm
		Số	Ngày cấp	

1				
2				
...				

Đề xuất, kiến nghị:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

AN